

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

**Đã được kiểm toán**



**Hà Nội - Tháng 2 năm 2017**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

## CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

#### KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng do cổ phần hóa theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải, là công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 04/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Tý	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên HĐQT
Ông Huỳnh Văn Sơn	Thành viên HĐQT

##### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Bình	Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sơn	Phó Giám đốc
Ông Kiều Thường	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Việt	Phó Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

## **CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG**

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

---

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

---

**Nguyễn Văn Tý**

Chủ tịch HĐQT

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Số: 057/2017/BCKT-PB.00C13

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được lập ngày 24 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Tiên Hà**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0902-2016-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2017

**Lê Viết Cường**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2478-2016-009-1

Mẫu số B01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	04/01/2016
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>67.752.774.788</b>	<b>68.435.413.390</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>16.815.865.164</b>	<b>7.536.159.888</b>
1. Tiền	111		16.815.865.164	7.536.159.888
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>29.115.066.475</b>	<b>33.045.867.554</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	25.738.583.678	31.621.523.250
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.800.000	175.800.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	3.350.682.797	1.248.544.304
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>20.959.866.017</b>	<b>27.761.022.294</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	20.959.866.017	27.761.022.294
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>861.977.132</b>	<b>92.363.654</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	230.369.863	24.985.909
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.09	631.607.269	67.377.745
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.407.809.226</b>	<b>15.100.187.107</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.006.091.861</b>	<b>9.651.311.861</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	7.706.387.122	9.345.092.122
- Nguyên giá	222		22.291.678.605	22.291.678.605
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.585.291.483)	(12.946.586.483)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	299.704.739	306.219.739
- Nguyên giá	228		325.825.000	325.825.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.120.261)	(19.605.261)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>458.304.371</b>	<b>2.240.782.789</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.04	441.201.703	2.223.680.121
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17.102.668	17.102.668
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.943.412.994</b>	<b>3.208.092.457</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05	1.943.412.994	3.208.092.457
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>78.160.584.014</b>	<b>83.535.600.497</b>

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016Đơn vị tính: VND  
04/01/2016

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2016	04/01/2016
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>60.665.070.982</b>	<b>69.796.331.543</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>41.622.849.968</b>	<b>46.041.421.379</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	25.035.488.316	15.397.133.337
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		139.460.000	139.460.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	2.815.752.428	2.679.020.096
4. Phải trả người lao động	314		248.612.725	378.094.425
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		217.636.289	660.801.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	7.258.233.181	16.168.003.085
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	5.109.301.493	9.391.646.900
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		798.365.536	1.227.262.536
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>19.042.221.014</b>	<b>23.754.910.164</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.11	19.042.221.014	23.754.910.164
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>17.495.513.032</b>	<b>13.739.268.954</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>17.495.513.032</b>	<b>13.739.268.954</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.775.000.000	7.624.387.663
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.775.000.000	7.624.387.663
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	6.114.881.291
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.720.513.032	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.720.513.032	-
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>78.160.584.014</b>	<b>83.535.600.497</b>



Nguyễn Văn Tý  
Chủ tịch HĐQT

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2017

*(Handwritten signatures)*

Phan Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vịnh  
Người lập biểu



Mẫu số B02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016**

Chi tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	114.689.181.831	111.211.983.366
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		114.689.181.831	111.211.983.366
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	100.372.749.870	98.661.872.015
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.316.431.961	12.550.111.351
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	71.375.361	337.939.882
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	257.848.186	13.189.544
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		257.848.186	13.189.544
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	11.944.909.680	11.932.305.446
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.185.049.456	942.556.243
11. Thu nhập khác	31	VI.06	674.817.568	3.322.801.331
12. Chi phí khác	32	VI.07	653.871.121	3.220.332.464
13. Lợi nhuận khác	40		20.946.447	102.468.867
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.205.995.903	1.045.025.110
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	485.482.871	231.083.501
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.720.513.032	813.941.609
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	700	



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Nguyễn Văn Tý*

Nguyễn Văn Tý  
 Chủ tịch HĐQT

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Phan Thị Lan Hương  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vịnh  
 Người lập biểu

Mẫu số B03 - DN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016

Chi tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 03/01/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.205.995.903	1.045.025.110
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.645.220.000	1.665.694.061
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(71.375.361)	(337.939.882)
- Chi phí lãi vay	06	257.848.186	13.189.544
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.037.688.728	2.385.968.833
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.495.030.603	(6.839.239.771)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.583.634.695	22.393.535.271
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	700.241.561	(10.178.057.688)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.059.295.509	(2.868.545.095)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(231.588.897)	(13.189.544)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(270.171.359)	(830.146.855)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.862.858.441	185.513.636
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.745.205.441)	(5.658.580.154)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>13.491.783.840</b>	<b>(1.422.741.367)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(503.725.865)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	70.266.843	337.939.882
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>70.266.843</b>	<b>(165.785.983)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	21.788.015.793	17.841.646.900
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(26.070.361.200)	(8.450.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.282.345.407)</b>	<b>8.391.646.900</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>9.279.705.276</b>	<b>6.803.119.550</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>7.536.159.888</b>	<b>733.040.338</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>16.815.865.164</b>	<b>7.536.159.888</b>



CHỦ TỊCH HĐQT  
Nguyễn Văn Tý

Nguyễn Văn Tý  
Chủ tịch HĐQT

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Phan Thị Lan Hương

Phan Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vịnh

Nguyễn Thị Thanh Vịnh  
Người lập biểu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

## I. THÔNG TIN CHUNG

## Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng do cổ phần hóa theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải, là công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 04/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 3 là 15.775.000.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ và Xây dựng Công trình	Số 196, đường Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng.	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

## Ngành nghề kinh doanh chính

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình giao thông đường sắt, đường bộ, công trình thủy lợi, công trình dây truyền tải điện và trạm biến áp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty hoạt động là công ty cổ phần do chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty TNHH một thành viên, bắt đầu từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

## Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

